

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu (E-HSMT)

**Gói thầu: Cung cấp và lắp đặt thiết bị năng lượng mặt trời
và mua Bảo hiểm công trình**

**Dự án: Lắp đặt hệ thống điện mặt trời cho các nhà trạm viễn thông
giai đoạn năm 2025-2026 -Mã Dự án: 261P250006BQL1**

GIÁM ĐỐC VIỄN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-VNPT-HĐTV-NL ngày 01/10/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh (VTTP);

Căn cứ Quyết định số 989/QĐ-VNPT-NL ngày 05/09/2025 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc ban hành mô hình tổ chức 34 Viễn thông tỉnh, thành phố sau sắp xếp lại;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-VNPT.TPHCM-NS ngày 23/09/2025 của Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh mô hình tổ chức Ban Quản lý dự án Tây Thành phố, đơn vị trực thuộc Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu; Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

-Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-VNPT-HĐTV-KHĐT ngày 07/10/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn đầu tư; Quy chế mua sắm nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì hoạt động thường xuyên và mua sắm tập trung của Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-VNPT-HĐTV-KHĐT ngày 29/10/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam về việc ban hành Quy chế phân cấp và ủy quyền quyết định dự án đầu tư của Tập đoàn;

Căn cứ Quyết định số 1083/QĐ-VNPT.TPHCM-ĐT ngày 13/10/2025 của Giám đốc Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Lắp đặt hệ thống điện mặt trời cho các nhà trạm viễn thông giai đoạn năm 2025-2026”;

Căn cứ Văn bản số 1194/VNPT.TPHCM-ĐT ngày 15/04/2026 của Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh về việc giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý dự án Tây Thành phố thực hiện triển khai dự án “Lắp đặt hệ thống điện mặt trời cho các nhà trạm viễn thông giai đoạn năm 2025-2026”;

-Căn cứ Quyết định số 4095/QĐ-VNPT.TPHCM-QLDAT ngày 23/04/2026 của Giám đốc Viễn thông TP. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Dự án, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án “Lắp đặt hệ thống điện mặt trời cho các nhà trạm viễn thông giai đoạn năm 2025-2026”;

-Căn cứ Quyết định số 4295/QĐ-VNPT.TPHCM-QLDAT ngày 28/04/2026 của Giám đốc Viễn Thông Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Tổ chuyên gia và Tổ Thẩm định đấu thầu -Gói thầu “Cung cấp và lắp đặt thiết bị năng lượng mặt trời và mua Bảo hiểm công trình” thuộc dự án;

-Căn cứ Quyết định số 4687/QĐ-VNPT.TPHCM-QLDAT ngày 08/05/2026 của Giám đốc Viễn thông Thành phố HCM v/v phê duyệt Hồ sơ mời thầu -Gói thầu “Cung cấp và lắp đặt thiết bị năng lượng mặt trời và mua Bảo hiểm công trình” thuộc dự án;

-Căn cứ Quyết định số 5001/QĐ-VNPT.TPHCM-QLDAT ngày 15/05/2026 của Giám đốc Viễn thông Thành phố HCM v/v phê duyệt Hồ sơ mời thầu -Gói thầu “Cung cấp và lắp đặt thiết bị năng lượng mặt trời và mua Bảo hiểm công trình” thuộc dự án;

-Căn cứ thông báo mời thầu số IB2600197171 -01 đăng tải ngày 15/05/2026;

-Căn cứ yêu cầu làm rõ E-HSMT có mã yêu cầu số CID2600005941 ngày 18/05/2026 trên trang mạng mua sắm công;

-Căn cứ Biên bản làm việc ngày 22/05/2026 giữa Phòng Kỹ thuật/VTTP và Ban Quản lý dự án Tây TP Về việc: Thống nhất yêu cầu kỹ thuật cấp điện các loại phục vụ lắp đặt hệ thống điện mặt trời cho các nhà trạm viễn thông;

-Căn cứ Biên bản họp v/v điều chỉnh nội dung E-HSMT ngày 22/05/2026 của Tổ chuyên gia.

Xét Tờ trình số 588/TTr-TCG ngày 22/05/2026 của Tổ Chuyên gia/Ban Quản lý dự án Tây TP về việc phê duyệt sửa đổi (lần 2) Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) -Gói thầu “Cung cấp và lắp đặt thiết bị năng lượng mặt trời và mua Bảo hiểm công trình” thuộc dự án;

Xét Báo cáo kết quả thẩm định số 2695/BC-TH ngày 23/05/2026 của Phòng Tổng hợp/Ban Quản lý dự án Tây TP về việc thẩm định E-HSMT - Gói thầu “Cung cấp và lắp đặt thiết bị năng lượng mặt trời và mua Bảo hiểm công trình” thuộc dự án;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt sửa đổi E-HSMT -Gói thầu “Cung cấp và lắp đặt thiết bị năng lượng mặt trời và mua Bảo hiểm công trình” thuộc dự án Lắp đặt hệ thống điện mặt trời cho các nhà trạm viễn thông giai đoạn năm 2025-2026, với nội dung theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Phòng Dự án Đầu tư/Ban Quản lý dự án Tây TP chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo E-HSMT được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Tổng hợp, Trưởng Phòng Dự án Đầu tư; Trưởng Phòng Dự án Mua sắm/Ban Quản lý dự án Tây Thành phố, Tổ Chuyên gia đấu thầu, Tổ Thẩm định và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. /v

Nơi nhận:

-Như Điều 3;

-Lưu: VT, P.TH (LVT).

-Số eof: 353227.

TUQ. GIÁM ĐỐC VIỄN THÔNG TP. HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC BAN QLĐA TÂY THÀNH PHỐ



Hồ Minh Kiệt

Phụ lục: Nội dung điều chỉnh E-HSMT (Đính kèm theo Quyết định số 5425/QĐ-VNPT.TPHCM-QLDAT ngày 24/05/2026)

Nội dung E-HSMT đã được phê duyệt theo Quyết định số 5001/QĐ-VNPT.TPHCM-QLDAT ngày 15/05/2026				Nội dung E-HSMT điều chỉnh			Lý do điều chỉnh
B.3 Dây dẫn điện B.3.1 Cáp nối từ tấm pin đến hệ thống Inverter: dây cáp điện DC chuyên dụng cho điện năng lượng mặt trời - Dây cáp DC CXV 1x6mm², dây đen/đỏ HIZ2Z2-K- 1,5KV DC				B.3 Dây dẫn điện			Điều chỉnh nội dung yêu cầu kỹ thuật cáp điện các loại phục vụ lắp đặt hệ thống điện mặt trời cho các nhà trạm viễn thông tại B.3 Dây dẫn điện - B. YÊU CẦU KỸ THUẬT HÀNG HÓA (VẬT TƯ B CẤP) – Mục 1 - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật E-HSMT theo Biên
STT	Mô tả	Đơn vị	Yêu cầu	STT	YÊU CẦU KỸ THUẬT	GIÁ TRỊ	
1	Tiêu chuẩn		IEC 60502, BS EN 50618, BS EN 60228, ASTM	1	Dây dẫn điện CXV 1x6mm ² , dây đen/đỏ HIZ2Z2-K- 1,5KV DC		
2	Dây dẫn		Sợi đồng mềm,	1.1	Chủng loại cáp	Cáp điện DC chuyên dụng cho hệ thống điện mặt trời: Ruột dẫn đồng mềm tráng thiếc, cách điện XLPO, vỏ bọc XLPO chống cháy, chống tia UV, cách điện và chịu nhiệt tốt.	
3	Lõi cách nhiệt		XL- Polyolefin, Halogen Free	1.2	Tiêu chuẩn áp dụng	BS EN 50618, TUV 2Pfg 1990/05.12, IEC 60332, IEC 60754, IEC 61034-2 hoặc tương đương	
	Vỏ ngoài		PVC	1.3	Tiết diện ruột dẫn	≥ 6 mm ²	
4	Độ dày cách nhiệt	mm	≥0.7	1.4	Cấp điện áp	≥ DC 1,5 kV	
5	Đường kính ngoài	mm	8.4	1.5	Điện trở DC tối đa ở 20°C	≤ 3,39 Ω/km	
	Tiết diện	mm ²	6	1.6	Chiều dày cách điện	≥ 0,7 mm	
6	Điện trở DC	Ω/km	≤ 3.39	1.7	Chiều dày vỏ	≥ 0,8 mm	
7	Dòng điện định mức	A	57	1.8	Màu vỏ cáp (số lượng theo yêu cầu tại phạm vi cung cấp hàng hóa)	Đen/đỏ	
	Nhiệt độ vận hành tối đa	°C	90				
8	Chế độ ngắn mạch	°C	250				
	Điện áp định mức	Vdc	1500V				
10	Điện áp tối đa	Vdc	1.8kV				

Nội dung E-HSMT đã được phê duyệt theo Quyết định số 5001/QĐ-VNPT.TPHCM-QLDAT ngày 15/05/2026				Nội dung E-HSMT điều chỉnh			Lý do điều chỉnh						
11	Tổn thất điện áp	%	1.5	2	Dây dẫn điện CXV 4x10mm ² /4x16 mm ² /4x25 mm ² /4x35 mm ² /4x50 mm ² /4x70 mm ² / 4x95 mm ² /4x150 mm ² và Dây dẫn điện vàng xanh CV1x16mm ² /1x2.5mm ²		bản làm việc ngày 22/05/2026						
	Kiểm tra điện áp/5 phút	V	6500		2.1	Chủng loại cáp:		- Cáp điện AC loại CXV: Lõi cáp đồng, cách điện XLPE, vỏ bọc PVC. - Cáp điện tiếp đất CV: Lõi cáp đồng, cách điện PVC					
	12	Bán kính cong tối thiểu cho phép						4 x OD	2.2	Tiêu chuẩn áp dụng	- Cáp CXV: TCVN 5935/ IEC 60502, TCVN 6612/ IEC 60228 hoặc tương đương; - Cáp CV: AS/NZS 5000, AS/NZS 1125 hoặc tương đương		
	13	Thời tiết / tia UV						Có			2.3	Tiết diện ruột dẫn	- Cáp CXV: + 4x10 mm ² + 4x16 mm ² + 4x25 mm ² + 4x35 mm ² + 4x50 mm ² + 4x70 mm ² + 4x95 mm ² + 4x150 mm ² - Cáp CV: + 1x16 mm ² + 1x2,5 mm ²
		Chống cháy						Có					2.4
14	Kháng acid và kiềm		Có										
B.3.2 Cáp nguồn xoay chiều (AC)													
Sử dụng cáp CXV 4x10 mm ² ; CXV 4x16 mm ² ; CXV 4x25 mm ² ; CXV 4x35 mm ² ; CXV 4x50 mm ² ; CXV 4x70 mm ² ; CXV 4x95 mm ² và CXV 4x150 mm ² đấu nối từ các Inverter đến tủ điện phân phối xoay chiều (AC).													
Stt	Mô tả	Đơn vị	Yêu cầu										
1	Cáp hạ áp 0.6/1kV												
2	Nhà sản xuất/ Nước sản xuất												
3	Mã hiệu sản phẩm												
4	Tiêu chuẩn áp dụng		TCVN 5935-1 / IEC 60502-1										
5	Loại		CXV – Cu/XLPE/PVC										
6	Số và tiết diện danh định của cáp	mm2	4x10; 4x16; 4x25; 4x35; 4x50; 4x70; 4x95 4x150 mm ²										
7	Số sợi đồng của lõi cáp (lõi)	Sợi	Bện tròn cấp 2 (Class 2)										

Nội dung E-HSMT đã được phê duyệt theo Quyết định số 5001/QĐ-VNPT.TPHCM-QLDAT ngày 15/05/2026				Nội dung E-HSMT điều chỉnh			Lý do điều chỉnh
8	Đường kính ruột dẫn mm	mm	3.6 → 11.5 (tùy tiết diện)	2.5	Điện trở DC tối đa ở 20°C	- Cáp CXV: + 4x10 mm ² : ≤ 1,83 Ω/km + 4x16 mm ² : ≤ 1,15 Ω/km + 4x25 mm ² : ≤ 0,727 Ω/km + 4x35 mm ² : ≤ 0,524 Ω/km + 4x50 mm ² : ≤ 0,387 Ω/km + 4x70 mm ² : ≤ 0,268 Ω/km + 4x95 mm ² : ≤ 0,193 Ω/km + 4x150 mm ² : ≤ 0,124 Ω/km - Cáp CV: + 1x16 mm ² : ≤ 1,15 Ω/km + 1x2,5 mm ² : ≤ 7,41 Ω/km	
9	Băng giăn nở chống thấm nước trong lõi		có				
10	Loại vật liệu cách điện		XLPE				
11	Độ dày danh định của lớp cách điện	Mm	0.7 → 1.6				
12	Loại vật liệu vỏ bọc		PVC				
13	Độ dày danh định của lớp vỏ bọc trong	mm	1.0 → 1.5				
14	Độ dày danh định của lớp vỏ bọc ngoài	mm	1.8 → 2.5				
15	Đường kính ngoài của cáp mm	4x16	18 → 37				
16	Nhiệt độ tối đa của lõi dẫn	°C	90°C (làm việc), 250°C (ngắn mạch)				
17	Khả năng mang tải của cáp	A	65 → 255 A				
18	Điện trở 1 chiều của lõi dẫn ở t ₀ = 20o	Ω/km	1.83 → 0.193	2.6	Chiều dày cách điện	- Cáp CXV: + 4x10 mm ² : ≥ 0,7 mm + 4x16 mm ² : ≥ 0,7 mm + 4x25 mm ² : ≥ 0,9 mm + 4x35 mm ² : ≥ 0,9 mm + 4x50 mm ² : ≥ 1,0 mm + 4x70 mm ² : ≥ 1,1 mm + 4x95 mm ² : ≥ 1,1 mm	
19	Điện trở cách điện của cáp	Ω /km	≥ 3.5 MΩ.km (20°C)				
20	Trọng lượng của lõi dây	kg/km	90 → 850				
21	Trọng lượng của toàn bộ cáp	kg/km	750 → 5200				
22	Chiều dài tối đa của cáp trên lô cuộn cáp	m	300 – 1000 m (theo đặt hàng)				

Nội dung E-HSMT đã được phê duyệt theo Quyết định số 5001/QĐ-VNPT.TPHCM-QLDAT ngày 15/05/2026				Nội dung E-HSMT điều chỉnh			Lý do điều chỉnh
23	Đường kính mặt bích tối đa của lô cuộn cáp	m	1000 – 2000 mm			+ 4x150 mm ² : ≥ 1,4 mm	
24	Trọng lượng tối đa của toàn bộ lô cáp	kg	≤ 5 – 10 tấn			- Cáp CV: + 1x16 mm ² : ≥ 0,8 mm + 1x2,5 mm ² : ≥ 0,7 mm	
26	Giấy chứng nhận thử nghiệm điển hình Type test, Routine Test		Có			- Cáp CXV: + 4x10 mm ² : ≥ 1,8 mm + 4x16 mm ² : ≥ 1,8 mm + 4x25 mm ² : ≥ 1,8 mm + 4x35 mm ² : ≥ 1,8 mm + 4x50 mm ² : ≥ 1,9 mm + 4x70 mm ² : ≥ 2,0 mm + 4x95 mm ² : ≥ 2,1 mm + 4x150 mm ² : ≥ 2,4 mm	
27	Biên bản test phải đáp ứng và đầy đủ các hạng mục thí nghiệm theo tiêu chuẩn IEC60502-1 (hoặc tương đương hoặc cao hơn) và các tiêu chuẩn liên quan		Đáp ứng	2.7	Chiều dày vỏ		
Thông số chi tiết từng loại cáp:							
STT	Loại cáp	Tiết diện (mm ²)	Dòng cho phép (A)	Điện trở DC (Ω/km)	Đường kính ngoài (mm)	Khối lượng (kg/km)	
1	CXV 4x10	10	65	1,83	18	750	
2	CXV 4x16	16	85	1,15	20	1050	
3	CXV 4x25	25	110	0,727	23	1500	
4	CXV 4x35	35	135	0,524	26	2000	
5	CXV 4x50	50	165	0,387	29	2700	

Nội dung E-HSMT đã được phê duyệt theo Quyết định số 5001/QĐ-VNPT.TPHCM-QLDAT ngày 15/05/2026							Nội dung E-HSMT điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
6	CXV 4x70	70	210	0,268	33	3800		
7	CXV 4x95	95	255	0,193	37	5200		
8	CXV 4x160	150	340	0,124	46	7800		
B.3.3 Cáp nối đất Cáp vàng xanh nối đất CV1x2.5mm2 và CV1x16mm2 dùng để đấu nối tiếp đất cho các tấm pin và các thiết bị với hệ thống tiếp đất hiện hữu của nhà trạm viễn thông. <i>Thông số kỹ thuật dây tiếp địa Cu/PVC 1*2.5mm; Cu/PVC 1*16mm</i>								
TT	Hạng mục			Yêu cầu				
1	Dây hạ áp (V-75)-E							
2	Nhà sản xuất/ Nước sản xuất							
3	Mã hiệu sản phẩm							
4	Tiêu chuẩn áp dụng			IEC60502-1				
5	Loại			Cu/PVC (ruột đồng, cách điện PVC)				
6	Số và tiết diện danh định của cáp			1x2.5 mm ² ; 1x16 mm ²				
7	Giấy chứng nhận thử nghiệm điển hình Type test, Routine Test			Có				
	Biên bản test phải đáp ứng và đầy đủ các hạng			Đáp ứng				

Nội dung E-HSMT đã được phê duyệt theo Quyết định số 5001/QĐ-VNPT.TPHCM-QLDAT ngày 15/05/2026			Nội dung E-HSMT điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
8	mục thí nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN 5935-1(hoặc tương đương hoặc cao hơn) và các tiêu chuẩn liên quan			
Thông số chi tiết:				
STT	Thông số	Cu/PVC 1x2.5	Cu/PVC 1x16	
1	Số sợi đồng	1 hoặc 7 sợi	7 hoặc 19 sợi	
2	Đường kính ruột dẫn (mm)	~1.8	~4.5	
3	Băng chống thấm	Không		
4	Vật liệu cách điện	PVC		
5	Độ dày cách điện (mm)	~0.8	~1.0	
6	Vật liệu vỏ bọc	Không (dây đơn)		
7	Độ dày vỏ bọc	—		
8	Đường kính ngoài (mm)	~3.6	~7.5	
9	Nhiệt độ tối đa lõi dẫn	70°C		
10	Khả năng mang tải (A)	~24	~85	

7/11

Nội dung E-HSMT đã được phê duyệt theo Quyết định số 5001/QĐ-VNPT.TPHCM-QLDAT ngày 15/05/2026					Nội dung E-HSMT điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
11	Điện trở DC (Ω/km)	7.41	1.15			
12	Điện trở cách điện	$\geq 0.011 \text{ M}\Omega.\text{km}$				
13	Trọng lượng lõi (kg/km)	~ 22	~ 140			
14	Trọng lượng toàn dây (kg/km)	~ 30	~ 180			
15	Chiều dài lô cuộn	100 – 500 m				
16	ĐK lô cuộn	300 – 800 mm				
17	Trọng lượng lô	$\leq 100 \text{ kg}$				